SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THEO HÌNH THỨC CHIA NHÓM NHẰM NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP BÀI THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU 64 NHỊP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGÔ THỊ THU
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 17/10/2025. Sửa chữa xong 22/12/2025. Duyệt đăng 30/12/2025.

Abstract

The 64-movement aerobic exercise plays a significant role in the Physical Education (PE) curriculum at universities, contributing to the development of students' physical fitness, posture, and coordination skills. However, in practice, many students still perform the movements incorrectly and have not fully mastered the proper sequence. In the context of pedagogical innovation and the integration of technology into Physical Education, researching and proposing measures to improve the effectiveness of teaching this exercise is essential. The findings aim to enhance the quality of PE classes, promote sports participation, and foster an active and healthy lifestyle among students.

Keywords: *Active and healthy lifestyle, movement technique, Physical Education, student physical development, teaching effectiveness, 64-movement aerobic exercise.*

1. Đặt vấn đề

Trong chương trình Giáo dục thể chất (GDTC) tại các trường đại học hiện nay, bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp vẫn giữ vai trò trọng tâm trong nội dung thể dục tay không. Bài tập giúp sinh viên (SV) hình thành tư thế cơ bản của tay, chân và thân người, đồng thời phát triển khả năng phối hợp vận động, nâng cao thể lực và rèn luyện dáng vóc cân đối. Nhờ tính phổ dụng và hiệu quả cao, bài thể dục này thường được sử dụng trong các hoạt động tập thể như đồng diễn, hội thao, lễ kỷ niệm 26/3 hay Hội khỏe Phù Đổng. Trước yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và số lượng SV ngày càng đông, nhiều trường đại học đã áp dụng hình thức dạy học linh hoạt, kết hợp công nghệ và phương pháp huấn luyện hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC. Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về thể dục ngoại khóa và thể dục giữa giờ nhưng việc nghiên cứu chuyên sâu về bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp trong môi trường đại học vẫn còn hạn chế. Khảo sát tại Trường Đại học Luật Hà Nội cho thấy phần lớn SV chưa thực hiện đúng kỹ thuật và thứ tự động tác, ảnh hưởng đến chất lượng học tập và biểu diễn tập thể. Do đó, việc đề xuất các biện pháp đổi mới giảng dạy và tập luyện bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng môn học GDTC và phong trào thể dục thể thao trong nhà trường. Với các lí do trên, tác giả đã tiến hành nghiên cứu đề tài: "*Sử dụng phương pháp giảng dạy theo hình thức chia nhóm nhằm nâng cao kết quả học tập bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp cho SV Trường Đại học Luật Hà Nội*". Đề tài phân tích thực trạng học tập bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp của SV, từ đó đề xuất phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm: - Nâng cao chất lượng giờ học và kết quả rèn luyện môn GDTC; - Giúp SV thực hiện đúng kỹ thuật, tư thế và trình tự động tác; - Góp phần phát triển phong trào thể dục thể thao trong nhà trường và xây dựng hình ảnh SV năng động, khỏe mạnh, tích cực rèn luyện thể chất.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm có liên quan đến đề tài nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp giảng dạy

Là cách thức tổ chức, điều hành và thực hiện quá trình dạy học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục

Email: ngothithuhlu@gmail.com

đã đề ra. Đó là sự phối hợp giữa hoạt động dạy của người dạy và hoạt động học của người học, trong đó giảng viên (GV) giữ vai trò hướng dẫn, tổ chức, còn người học là chủ thể tích cực, chủ động chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng và hình thành thái độ, phẩm chất.

Phương pháp giảng dạy không chỉ bao gồm các kỹ thuật, hình thức và phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học mà còn thể hiện tư duy sư phạm, phong cách và nghệ thuật truyền đạt của GV. Việc lựa chọn và vận dụng phương pháp phù hợp giúp nâng cao hiệu quả học tập, phát huy tính tích cực, sáng tạo và năng lực tự học của SV [1].

2.1.2. Phương pháp giảng dạy theo hình thức chia nhóm

Là một trong những phương pháp hiện đại, được sử dụng rộng rãi trong giáo dục nói chung và đặc biệt phát huy hiệu quả trong môn GDTC. Hình thức này tổ chức người học thành các nhóm nhỏ, trong đó mỗi nhóm cùng nhau trao đổi, thảo luận, thực hành và hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập. Dưới sự hướng dẫn của GV, SV không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển năng lực tự học, hợp tác và sáng tạo trong quá trình rèn luyện. Phương pháp chia nhóm giúp tăng cường tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân. Khi làm việc nhóm, SV được khuyến khích bày tỏ quan điểm, chia sẻ kinh nghiệm, cùng phân tích và giải quyết các tình huống thực tế. Điều này tạo ra môi trường học tập sôi nổi, gần gũi và giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp cũng như trong hoạt động tập thể. Trong dạy học GDTC phương pháp này thường được áp dụng trong các giờ thực hành kỹ thuật, bài tập thể lực hoặc khi tổ chức các hoạt động thi đấu đối kháng, trò chơi vận động. Nhờ chia nhóm, SV có điều kiện tự quan sát, nhận xét và điều chỉnh động tác của bản thân và bạn học, từ đó nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng vận động. Giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn và điều phối**,** quan sát tiến trình hoạt động của từng nhóm, kịp thời hỗ trợ, động viên và chỉnh sửa kỹ thuật cho SV. Cách làm này vừa giúp duy trì tính kỷ luật trong lớp học, vừa tạo không khí học tập thoải mái, bình đẳng và mang tính khích lệ cao. Như vậy, phương pháp giảng dạy theo hình thức chia nhóm không chỉ góp phần nâng cao chất lượng học tập trong môn GDTC mà còn giúp SV phát triển toàn diện các năng lực quan trọng như giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện và khả năng thích ứng trong môi trường học tập và làm việc hiện đại [1].

2.1.3. Thể dục nhịp điệu

Là một hình thức vận động thể thao kết hợp giữa các động tác thể dục với nhịp điệu âm nhạc được thực hiện có hệ thống, theo trình tự nhất định nhằm phát triển thể lực toàn diện, nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ và khả năng phối hợp vận động của người tập. Trong môi trường giáo dục, bài thể dục nhịp điệu là một nội dung cơ bản trong chương trình GDTC, được thiết kế gồm nhiều động tác nối tiếp nhau theo nhạc, giúp SV rèn luyện sự dẻo dai, linh hoạt, nhịp nhàng và phát triển năng lực cảm thụ vận động theo âm nhạc. Đặc biệt, bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được xem là bài tập chuẩn, có cấu trúc gồm các phần khởi động, phát triển chung, chuyên sâu và hồi tĩnh, phù hợp với đối tượng SV và được sử dụng rộng rãi tại các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc [2].

2.1.4. Kết quả học tập

Là thước đo phản ánh mức độ mà người học đạt được sau một quá trình rèn luyện, thể hiện ở khả năng nắm vững kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực vận dụng vào thực tiễn. Đây là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả của hoạt động dạy học, đồng thời cũng là cơ sở giúp người dạy điều chỉnh phương pháp và người học định hướng cách học phù hợp hơn. Trong môn GDTC, kết quả học tập không chỉ thể hiện qua bài kiểm tra lý thuyết mà còn được đánh giá toàn diện qua kỹ năng thực hành, thể lực, tư thế, khả năng phối hợp vận động và tinh thần tập luyện. SV đạt kết quả tốt là những người có sự tiến bộ rõ rệt về sức khỏe, độ dẻo dai, sự linh hoạt và khả năng phối hợp nhóm trong các hoạt động thể thao. Bên cạnh đó, thái độ học tập và ý thức rèn luyện thường xuyên cũng là tiêu chí quan trọng. SV có tinh thần tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thể thao, biết tự điều chỉnh và hỗ trợ đồng đội sẽ có sự phát triển toàn diện hơn. Kết quả học tập tốt trong GDTC không chỉ góp phần nâng cao thành tích cá nhân mà còn hình thành thói quen rèn luyện thể thao suốt đời, giúp SV xây dựng lối sống lành mạnh, tăng cường sức khỏe, cải thiện tinh thần và khả năng thích ứng trong học tập cũng như công việc sau này. Như vậy, kết quả học tập trong GDTC là sự phản ánh tổng hợp của kiến thức, kỹ

năng, thái độ và ý chí rèn luyện, là minh chứng rõ ràng cho sự phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn nhân cách của người học [3].

2.2. Đặc điểm tâm - sinh lý của lứa tuổi sinh viên (18 - 23 tuổi)

2.2.1. Đặc điểm tâm lý

Mỗi giai đoạn phát triển của con người đều có những đặc điểm tâm lý đặc trưng, chịu ảnh hưởng bởi hoạt động chủ đạo và môi trường sống. Lứa tuổi 18-23 là giai đoạn thanh niên - SV, gắn liền với quá trình học tập, rèn luyện tại các trường đại học, cao đẳng. Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ tuổi vị thành niên sang người trưởng thành mang những đặc điểm tâm lý nổi bật sau:

Hình thành và phát triển thế giới quan cá nhân: SV bắt đầu xây dựng hệ thống quan điểm, niềm tin và giá trị sống riêng; có khả năng tự đánh giá và định hướng mục tiêu cá nhân.

Tự ý thức cao: Các em có nhu cầu khẳng định bản thân, mong muốn được công nhận trong học tập, hoạt động tập thể và xã hội.

Khát vọng vươn lên và thành đạt: SV có nhiều ước mơ, hoài bão, mong muốn thể hiện năng lực, dễ hứng thú với cái mới, thích khám phá và trải nghiệm.

Phát triển trí tuệ và tư duy logic: Khả năng tư duy trừu tượng, phân tích, tổng hợp và phản biện được hình thành rõ nét hơn.

Tình cảm và xúc cảm ổn định hơn nhưng dễ dao động: SV nhạy cảm trước tác động của môi trường, đặc biệt là trong các mối quan hệ học tập, bạn bè, tình cảm và xã hội.

Tính độc lập và trách nhiệm cao: Các em dần hình thành năng lực tự chủ, biết tự điều chỉnh hành vi và định hướng nghề nghiệp tương lai.

Tuy nhiên, do hạn chế về kinh nghiệm sống và thiếu kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn, SV đôi khi còn bộc lộ sự thiếu kiên định, dễ bị chi phối bởi cảm xúc hoặc tác động bên ngoài. Vì vậy, sự định hướng của GV, gia đình và môi trường giáo dục tích cực đóng vai trò quan trọng giúp SV phát huy thế mạnh tâm lý và khắc phục hạn chế.

2.2.2. Đặc điểm sinh lý

Ở lứa tuổi SV (18-23), cơ thể con người đã phát triển gần như hoàn thiện về mặt sinh lý, song vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện về chức năng và khả năng thích ứng thể lực. Một số hệ cơ quan có đặc điểm đáng chú ý như sau:

Hệ thần kinh: Hệ thần kinh trung ương đã phát triển hoàn thiện, đặc biệt là vỏ não và hành tủy, giúp khả năng tư duy, phản xạ và phối hợp vận động đạt mức ổn định như người trưởng thành. Hưng phấn thần kinh chiếm ưu thế, giúp SV dễ tiếp thu, hăng hái trong học tập và hoạt động thể chất. Tuy nhiên, nếu các bài tập đơn điệu, thiếu hứng thú, dễ gây mệt mỏi, giảm tập trung; Cần đa dạng hóa hình thức tập luyện (thi đấu, trò chơi vận động, luyện tập theo nhóm) để duy trì hứng thú và hiệu quả.

Hệ vận động: Hệ xương đã cứng cáp và ổn định, các khớp nhỏ như cổ tay, cổ chân phát triển hoàn chỉnh, thuận lợi cho các hoạt động vận động mạnh và đa dạng. Tập luyện thường xuyên giúp xương chắc khỏe hơn, khối lượng và mật độ xương tăng**,** tạo chỗ bám vững chắc cho cơ. Giữa nam và nữ có sự khác biệt rõ rệt: Nam có xương dài, chắc, cơ bắp phát triển mạnh, khả năng chịu lực tốt. Nữ có xương xốp, khung chậu rộng, cơ nhỏ và yếu hơn → cần điều chỉnh khối lượng, cường độ vận động phù hợp giới tính trong giờ học GDTC.

Hệ cơ: Cơ thể SV có hệ cơ phát triển hoàn thiện, chiếm khoảng 45-50% trọng lượng cơ thể**.** Tập luyện thể dục thể thao thường xuyên giúp phát triển ba năng lực chính của cơ: Sức mạnh: tăng kích thước sợi cơ, thể tích cơ, khả năng chịu lực; Sức bền: tăng khả năng làm việc lâu dài, chậm mỏi, nhờ cải thiện tuần hoàn máu và trao đổi oxy trong cơ; Sức nhanh: phản ứng nhanh với kích thích, tăng khả năng phối hợp và điều khiển vận động chính xác.

Hệ tuần hoàn: Tim và hệ mạch phát triển ổn định, thể tích tâm thu đạt khoảng 90-100 ml, thể tích tim phút khoảng 4,5-5 lít/phút. Nhịp tim trung bình: nam 70-80 lần/phút, nữ 70-75 lần/phút. Sau khi vận động, mạch và huyết áp phục hồi nhanh, thích hợp với các bài tập có cường độ và khối lượng trung

bình đến cao. Tuy nhiên, khi tập các bài sức bền cần theo dõi thường xuyên để tránh quá tải.

Hệ hô hấp: Hệ hô hấp đã hoàn thiện, dung tích sống phổi tăng, tần số hô hấp giảm nhưng độ sâu hô hấp tăng. Các cơ hô hấp vẫn còn yếu → cần rèn luyện bằng các bài tập ưa khí như chạy bền, bơi, đạp xe, giúp tăng khả năng hấp thu oxy và nâng cao sức bền thể lực.

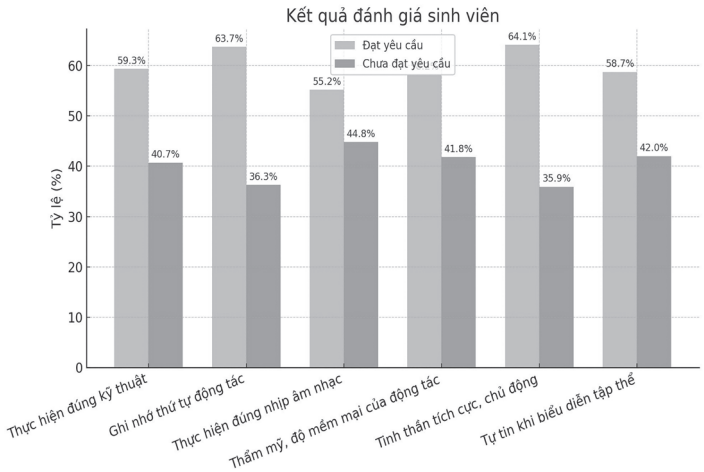
Trao đổi chất và năng lượng: Quá trình trao đổi chất diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi cung cấp đầy đủ dinh dưỡng (đạm, đường, chất béo, khoáng, vitamin) để đáp ứng nhu cầu hoạt động thể lực và phát triển cơ thể. Hàm lượng hemoglobin và hồng cầu trong máu tăng, giúp tăng khả năng vận chuyển oxy cho cơ bắp khi vận động [4].

2.3. Thực trạng kết quả học tập bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp

Phần này nhằm phản ánh kết quả học tập thực tế của SV sau khi hoàn thành nội dung bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp, từ đó làm cơ sở xác định mức độ đạt chuẩn kỹ thuật, khả năng vận động và hứng thú học tập, đồng thời nhận diện những tồn tại cần khắc phục trong giảng dạy và học tập môn GDTC.

Đề tài sử dụng các hình thức sau để đánh giá kết quả học tập của 100 SV năm thứ nhất Trường Đại học Luật Hà Nội, cụ thể: - Quan sát giờ học thực hành và biểu diễn tập thể; - Kiểm tra thực hành cuối kỳ (theo thang điểm 10); - Phát phiếu khảo sát mức độ hứng thú, tự tin và nhận thức về tầm quan trọng của môn học.

Kết quả thu được thể hiện ở biểu đồ 1.



Qua biểu đồ ta thấy chỉ khoảng 60% SV đạt yêu cầu về kỹ thuật và trình tự, trong khi 40% chưa đạt. Điều này cho biết hiệu quả học tập bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp còn hạn chế, đặc biệt ở độ chính xác, cảm thụ âm nhạc và khả năng phối hợp tập thể [5].

Mặc dù SV đã nắm được cấu trúc cơ bản của bài tập, song vẫn còn nhiều hạn chế như: - Kỹ năng ghi nhớ chuỗi động tác dài còn yếu, dễ nhầm lẫn; - Khả năng cảm thụ âm nhạc chưa tốt, thường sai nhịp khi tập đồng đội; - Phương pháp giảng dạy còn thiên về truyền đạt một chiều, thiếu tính tương tác; - Chưa có hình thức luyện tập nhóm và phản hồi lẫn nhau; - Sự khác biệt giới tính ảnh hưởng đến độ linh hoạt và biểu cảm động tác.

Từ thực trạng trên cho thấy cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chia nhóm nhỏ, kết hợp quan sát - phản hồi - luyện tập theo nhạc, giúp SV chủ động, hứng thú và đạt kết quả kỹ thuật cao hơn trong quá trình học tập.

2.4. Sử dụng phương pháp giảng dạy theo hình thức chia nhóm trong bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp

2.4.1. Nội dung và cách thức thực hiện

Cách chia nhóm: Chia lớp thành 5-7 nhóm nhỏ, mỗi nhóm 4-5 SV, đảm bảo cân đối giữa nam - nữ và trình độ thể lực.

Trong mỗi nhóm, phân công: Nhóm trưởng: điều hành, nhắc nhịp, hỗ trợ các bạn. Thư ký nhóm: ghi nhận lỗi kỹ thuật, góp ý sau buổi tập. Các thành viên: quan sát, nhận xét, điều chỉnh lẫn nhau.

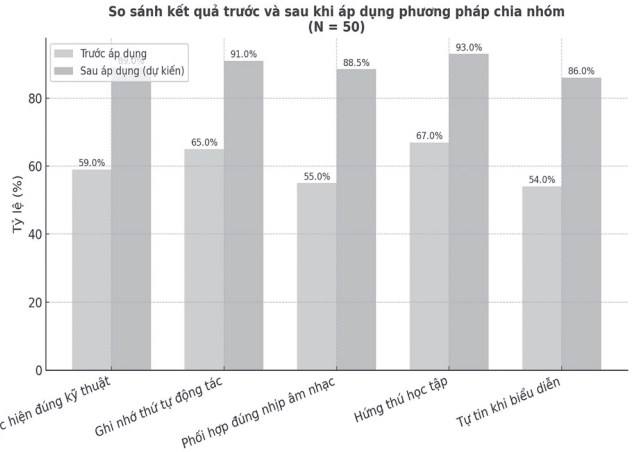
Quy trình tổ chức tiết học: - Khởi động chung **-** GV hướng dẫn toàn lớp khởi động (5-7 phút); - Ôn luyện - hướng dẫn kỹ thuật - GV làm mẫu, nhắc lại tên và thứ tự các động tác (5 phút); - Chia nhóm luyện tập **-** Các nhóm thực hành theo nhạc, GV quan sát, chỉnh sửa kỹ thuật cho từng nhóm (15 phút); - Quan sát - phản hồi chéo **-** Các nhóm luân phiên quan sát và nhận xét nhóm khác (10 phút); - Biểu diễn nhóm - đánh giá - củng cố - GV chọn 1-2 nhóm biểu diễn trước lớp, nhận xét và tổng kết buổi học (8-10 phút).

Vai trò của GV và SV: GV - người tổ chức, hướng dẫn, quan sát, phản hồi và điều chỉnh kỹ thuật. Đồng thời tạo không khí hứng thú, động viên tinh thần thi đua giữa các nhóm.

SV - chủ thể tích cực trong học tập, tự luyện, hợp tác, phản biện, quan sát và hỗ trợ bạn cùng nhóm để hoàn thiện động tác.

2.4.2. Đánh giá kết quả sau áp dụng

Sau khi áp dụng phương pháp chia nhóm, các tiêu chí đã được cải thiện rõ rệt, thể hiện qua biểu đồ 2.



Kết quả biểu đồ cho thấy sau khi áp dụng phương pháp chia nhóm, các tiêu chí đánh giá đều tăng rõ rệt so với trước: - Thực hiện đúng kỹ thuật tăng từ 59% lên 89% (+30%); - Ghi nhớ thứ tự động tác tăng từ 65% lên 91% (+26%); - Phối hợp đúng nhịp âm nhạc tăng mạnh từ 55% lên 88,5% (+33,5%) - mức cải thiện cao nhất; - Hứng thú học tập tăng từ 67% lên 93% (+26%); - Tự tin khi biểu diễn tăng từ 54% lên 86% (+32%). Như vậy, phương pháp chia nhóm không chỉ giúp nâng cao kỹ thuật và cảm nhận nhịp âm nhạc mà còn tăng tinh thần tự tin, hứng thú và tính chủ động của SV trong học tập. Hiệu quả cải thiện toàn diện ở cả kỹ năng chuyên môn lẫn yếu tố tâm lý - động lực học tập.

3. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu và thực nghiệm, đề tài đã làm rõ được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc dạy học bài thể dục nhịp điệu 64 nhịp trong chương trình GDTC ở bậc đại học. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV Trường Đại học Luật Hà Nội đã nắm được cấu trúc cơ bản của bài tập, song hiệu quả học tập còn hạn chế, đặc biệt ở các yếu tố như độ chính xác, cảm thụ âm nhạc và khả năng phối hợp tập thể. Việc áp dụng phương pháp giảng dạy theo hình thức chia nhóm đã mang lại những chuyển biến tích cực rõ rệt. SV được tăng thời gian thực hành, chủ động hơn trong luyện tập, mạnh dạn trao đổi và hỗ trợ nhau, từ đó phát triển cả kỹ năng vận động lẫn tinh thần hợp tác. Phương pháp này giúp GV dễ quan sát, hướng dẫn và đánh giá, đồng thời tạo môi trường học tập sinh động, hứng thú và hiệu quả hơn. Kết quả thực nghiệm chứng minh rằng sau khi áp dụng biện pháp, tỷ lệ SV thực hiện đúng kỹ thuật, ghi nhớ thứ tự động tác và phối hợp nhịp điệu tăng trung bình từ 28-32%**.** Điều đó khẳng định tính khả thi và hiệu quả của phương pháp chia nhóm trong giảng dạy thể dục nhịp điệu ở bậc đại học.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng đổi mới phương pháp giảng dạy không chỉ góp phần nâng cao chất lượng học tập môn GDTC mà còn giúp SV hình thành thói quen rèn luyện thể thao, tinh thần làm việc nhóm và lối sống năng động, lành mạnh. Đề tài cũng mở ra hướng ứng dụng rộng rãi phương pháp chia nhóm cho các nội dung thực hành khác của chương trình GDTC, đặc biệt là các bài học có tính tập thể và đồng bộ cao. Trong thời gian tới cần tiếp tục kết hợp phương pháp này với công nghệ số, video hướng dẫn, phần mềm hỗ trợ luyện tập nhằm tăng tính trực quan, tương tác và tự học của SV. Như vậy, phương pháp giảng dạy theo hình thức chia nhóm là hướng đi phù hợp, có giá trị thực tiễn và khả năng nhân rộng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển toàn diện thể chất và nhân cách cho SV Trường Đại học Luật Hà Nội nói riêng, SV các trường đại học nói chung.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*

[2] Nguyễn Hoàng Minh (2022). *Giáo trình Sinh lý học thể dục thể thao.* NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[3] Nguyễn Duy Quyết (2020). *Giáo trình Lý luận và phương pháp giảng dạy thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.

[4] Nguyễn Đức Văn (2008). *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*. NXB thể dục thể thao, Hà Nội.

[5] Trần Quang Đại (2022). *Giáo trình Thể dục Aerobic*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM...

Tiếp theo trang 343

3. Kết luận

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu hiện nay, vì vậy việc chủ động ứng dụng CĐS để hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực là một việc làm thiết thực. Đặc biệt, với lĩnh vực giáo dục, bối cảnh CĐS đã và đặt ra yêu cầu cấp thiết về giáo dục VHƯX cho SV nói chung và SVSP Trường Đại học Sài Gòn nói riêng vì đây là "lực lượng nòng cốt để xây dựng VHƯX tốt đẹp" [5, tr. 52] trong môi trường sư phạm mà họ sẽ làm việc sau này. Giáo dục VHƯX trong trường học được kì vọng sẽ tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hóa, phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, tạo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Thực tiễn cho thấy, Trường Đại học Sài Gòn đã quan tâm triển khai giáo dục VHƯX cho SVSP bằng nhiều hình thức, tuy nhiên trong bối cảnh CĐS đòi hỏi phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục VHƯX theo hướng thích ứng với bối cảnh này. Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn, nghiên cứu đã đề xuất ba biện pháp giáo dục VHƯX cho SVSP trong bối cảnh CĐS. Việc thực hiện các biện pháp nêu trên được kì vọng sẽ góp phần hình thành ở SVSP hệ thống giá trị, chuẩn mực ứng xử phù hợp với môi trường giáo dục hiện đại, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của giáo dục trong thời kỳ mới.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, NXB Thông tin và Truyền thông.

[2] Farias-Gaytan, S., Aguaded, I., Ramirez-Montoya, M. S. (2023), *Digital transformation and digital literacy in the context of complexity within higher education institutions: A systematic literature review*, Humanities and Social Sciences Communications, 10 (1), tr. 1-11.

[3] Hoàng Phê (chủ biên) và cộng sự (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

[4] Lê Thị Bừng (2003), *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5] Mỵ Giang Sơn (2021), *Phát triển năng lực ứng xử văn hóa và năng lực giáo dục văn hóa ứng xử cho giáo viên phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 495 kì 1 tháng 2, tr. 52-55.

[6] Nguyễn Thị Thúy Cường (2024), *Văn hóa ứng xử của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ hội nhập*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 72, tr. 119-129.

[7] Nguyễn Võ Anh, Phạm Thị Đào (2024), *Văn hóa ứng xử của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 21 (7), 1320-11332.

[8] Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội. [9] Trần Thị Hương (2014), *Giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.